TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thanh.

Ông Nguyễn Minh Dương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh N, sinh năm 1969; cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Ô Kim T, sinh năm 1969; cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2018 của anh Trần Minh N và quá trình tố tụng tại Tòa án anh N trình bày: Anh và chị Ô Kim T tự nguyện kết hôn vào

năm 1996, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng trong việc dạy con, bản thân chị T không tin tưởng anh, thường hay xúc phạm, đuổi anh ra khỏi nhà và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của anh mặc dù đã được hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Do cuộc sống không có hạnh phúc và quá sức chịu đựng nên anh phải rời khởi nhà ra ở riêng, hiện tại không thể tiếp tục chung sống được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung có hai người gồm Trần Nhật M, sinh năm 1997 đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và Trần Diễm M, sinh ngày 04/3/2003 đang ở cùng chị T, anh chấp nhận giao cho chị T nuôi theo nguyện vọng của con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản anh không yêu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 17 tháng 5 năm 2018 của chị Ô Kim T và quá trình tố tụng tại Tòa án chị T trình bày: Chị và anh Trần Minh N tự nguyện kết hôn vào năm 1996 là đúng và đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Trong cuộc sống bản thân anh N thường hay đánh chị nhưng được gia đình hàn gắn vợ chồng hòa thuận với nhau, đến năm 2012 khi anh N tham gia công tác ở địa phương thì tính tình anh N thay đổi và không trung thực với vợ con, thường xuyên đi làm không về nhà và khi chị hỏi đến thì nói chị không tin tưởng làm ảnh hưởng đến uy tín của anh. Mặt khác, bản thân anh N không quan tâm lo lắng gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mặc dù chị không bắt gặp nhưng nghe nhiều người phản ánh lại. Việc anh N cho rằng chị xua đuổi, xúc phạm và làm ảnh hưởng uy tín, danh dự của anh N là không có, thực tế vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn và có thể hàn gắn được nên chị không chấp nhận ly hôn.

Về con chung có hai người như anh N trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Đối với Trần Diễm M là con chung của anh N và chị T có nguyện vọng ở cùng chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận cho anh N ly hôn cùng chị T, giao con tên Trần Diễm M cho chị T nuôi, anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đối với con đã thành niên không đặt ra việc nuôi dưỡng, tài sản không xem xét giải quyết, buộc anh N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Trần Minh N được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Minh N và chị Ô Kim T tự nguyện kết hôn vào năm 1996, đến năm 2006 thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Mặc dù, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn các đương sự xác định có sự khác nhau nhưng qua xem xét lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian anh N và chị T chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng, thậm chí có sự xúc phạm đối với nhau, từ đó dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh chị mỗi người sống một nơi, không ai lo lắng, chăm sóc hay giúp đỡ cho nhau trong những lúc khó khăn, thời gian ngày càng kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, anh N và chị T có hai người con chung trong đó có một người con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng. Đối với người con chưa thành niên các đương sự đã có sự thống nhất theo nguyện vọng của con và thực tế Trần Diễm M là con

chung của anh chị có nguyện vọng ở cùng chị T nên chấp nhận theo ý kiến thỏa thuận của đương sự giao con tên Trần Diễm M cho chị T nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trần Diễm M là con chung của anh N và chị T nên anh N và chị T phải cùng có trách nhiệm, bản thân anh N đã thấy được nghĩa vụ của mình và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên và nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con nên buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Trần Diễm M mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh N có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Minh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và được khấu trừ phần tạm ứng án phí đã nộp, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Minh N được ly hôn với chị Ô Kim T.

Về nuôi con chung: Chị Ô Kim T được nuôi con tên Trần Diễm M, sinh ngày 04/3/2003 hiện đang ở cùng chị. Đối với Trần Nhật M hiện đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Anh Trần Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Trần Diễm M mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không đươc lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Kể từ chị Ô Kim T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Trần Minh N phải chịu 300.000 đồng, anh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014122 ngày 16/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được khấu trừ.

Anh Trần Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (nghĩa vụ cấp dưỡng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải